

CÂU HỎI ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I- MÔN ĐỊA LÝ LỚP 10- NĂM 2025

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

- A. bán cầu Tây. B. đại dương. C. lục địa. D. bán cầu Đông.

Câu 2. Gió Mậu dịch thổi từ áp cao

- A. chí tuyến về áp thấp ôn đới. B. cực về áp thấp ôn đới.
C. chí tuyến về áp thấp xích đạo. D. cực về áp thấp xích đạo.

Câu 3. Trên Trái Đất, mưa nhiều nhất ở vùng

- A. xích đạo. B. ôn đới. C. chí tuyến. D. cực.

Câu 4. Các yếu tố khí hậu nào sau đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất?

- A. Nhiệt và ẩm. B. Ẩm và khí. C. Khí và nhiệt. D. Nhiệt và nước.

Câu 5. Nhân tố sinh học quyết định đối với sự phát triển và phân bố của động vật là

- A. nhiệt độ. B. độ ẩm. C. thức ăn. D. nơi sống.

Câu 6. Lớp vỏ địa lí còn được gọi tên là

- A. lớp phủ thực vật. B. lớp vỏ cảnh quan. C. lớp thổ nhưỡng. D. lớp vỏ lục địa.

Câu 7. Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất ở

- A. bán cầu Đông. B. lục địa. C. đại dương. D. bán cầu Tây.

Câu 8. Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao

- A. chí tuyến về áp thấp ôn đới. B. cực về áp thấp ôn đới.
C. chí tuyến về áp thấp xích đạo. D. cực về áp thấp xích đạo.

Câu 9. Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần hữu cơ cho đất?

- A. Khí hậu. B. Sinh vật. C. Địa hình. D. Đá mẹ.

Câu 10. Trên Trái Đất, mưa ít nhất ở vùng

- A. xích đạo. B. ôn đới. C. chí tuyến. D. cực.

Câu 11. Yếu tố nào sau đây của địa hình tạo nên các vành đai phân bố thực vật?

- A. Độ cao. B. Hướng nghiêng. C. Hướng sườn. D. Độ dốc.

Câu 12. Chiều dày của lớp vỏ địa lí khoảng

- A. 30 – 35 km B. 30 – 40km C. 40 – 50km D. 50 – 100km

Câu 13. Khí áp là sức nén của

- A. không khí xuống mặt Trái Đất. B. luồng gió xuống mặt Trái Đất.
C. không khí xuống mặt nước biển. D. luồng gió xuống mặt nước biển.

Câu 14. Các vành đai khí áp nào sau đây là áp cao?

- A. Xích đạo, chí tuyến. B. Chí tuyến, ôn đới. C. Ôn đới, cực. D. Cực, chí tuyến.

Câu 15. Các vành đai khí áp nào sau đây là áp thấp?

- A. Xích đạo, chí tuyến. B. Chí tuyến, ôn đới. C. Ôn đới, xích đạo. D. Cực, chí tuyến.

Câu 16. Tính chất của gió Mậu dịch là

- A. nóng ẩm. B. khô. C. lạnh khô. D. ẩm.

Câu 17. Tính chất của gió Tây ôn đới là

- A. nóng ẩm. B. lạnh khô. C. khô. D. ẩm.

Câu 18. Những địa điểm nào sau đây thường có mưa nhiều?

- A. Nơi ở rất sâu giữa lục địa, nơi có áp thấp. B. Miền có gió Mậu dịch thổi, nơi có áp thấp.
C. Miền có gió thổi theo mùa, nơi có áp thấp. D. Nơi dòng biển lạnh đi qua, nơi có áp thấp.

Câu 19. Tại một dãy núi, thường có mưa nhiều ở

- A. sườn khuất gió. B. sườn núi cao. C. đỉnh núi cao. D. sườn đón gió.

Câu 20. Những địa điểm nào sau đây thường có mưa ít?

- A. Khu vực khí áp thấp, nơi có frông hoạt động. B. Nơi có dải hội tụ nhiệt đới, khu vực áp cao.
C. Sườn núi khuất gió, nơi có dòng biển lạnh. D. Miền có gió mùa, nơi có gió luôn thổi đến

Câu 21. Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có

- A. toàn bộ sinh vật sinh sống. B. tất cả sinh vật và thổ nhưỡng.
C. toàn bộ động vật và vi sinh vật. D. toàn bộ thực vật và vi sinh vật.

Câu 22. Phát biểu nào sau đây không đúng với ảnh hưởng của khí hậu tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Mỗi loài cây thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định.
B. Thực vật sinh trưởng nhờ đặc tính lí, hoá, độ phì của đất.
C. Sinh vật phát triển tốt trong môi trường tốt về nhiệt, ẩm.

D. Cây xanh nhờ ánh sáng để thực hiện quá trình quang hợp.

Câu 23. Các nhân tố nào sau đây của địa hình có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Độ cao và hướng nghiêng
B. Hướng nghiêng và độ dốc.
C. Độ dốc và hướng sườn.
D. Hướng sườn và độ cao.

Câu 24. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với mối quan hệ giữa động vật và thực vật?

- A. Động vật có quan hệ với thực vật về nơi cư trú và nguồn thức ăn.
B. Nhiều loài động vật ăn thực vật lại là thức ăn của động vật ăn thịt.
C. Động vật ăn thực vật, động vật ăn thịt cùng sống một môi trường.
D. Ở nơi nào động vật phong phú thì thực vật không được phát triển.

Câu 25. Nhân tố nào sau đây có ảnh hưởng lớn nhất đến sự phân bố các thảm thực vật trên Trái Đất?

- A. Địa hình.
B. Khí hậu.
C. Thổ nhưỡng.
D. Sinh vật.

Câu 26. Vỏ địa lí là vỏ

- A. của Trái Đất, ở đó có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau của các quyển.
B. của Trái Đất, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.
C. cảnh quan, ở đó có các lớp vỏ bộ phận, quan trọng nhất là sinh quyển.
D. vỏ cảnh quan, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.

Câu 27. Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần vô cơ cho đất?

- A. Khí hậu.
B. Sinh vật.
C. Địa hình.
D. Đá mẹ.

Câu 28. Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần hữu cơ cho đất?

- A. Khí hậu.
B. Sinh vật.
C. Địa hình.
D. Đá mẹ.

Câu 29. Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là

- A. Đá mẹ.
B. Khí hậu.
C. Địa hình.
D. Sinh vật.

Câu 30. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vỏ địa lí?

- A. Giới hạn ở trên là nơi tiếp giáp với tầng ô dôn.
B. Giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất.
C. Ranh giới trùng hoàn toàn với lớp vỏ Trái Đất.
D. Ranh giới có sự trùng hợp với toàn sinh quyển.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1: Cho đoạn thông tin sau:

Gió phơn hình thành và chuyển động song song với mặt đất. Khi bị núi chắn ngang thì gió phải vượt lên cao, lên tầng không khí loãng và lạnh hơn, khiến cho hơi nước ngưng tụ, gây mưa bên sườn núi hứng gió và đồng thời làm gió giảm áp suất. Khi đã qua đỉnh núi thì gió trở thành một luồng khí khô hạ áp nên khi đi từ trên cao xuống, gặp không khí đặc hơn gió sẽ bị nén lại. Quá trình đó làm tăng nhiệt độ của gió (quá trình đoạn nhiệt trong nhiệt động lực học).

- a) Gió phơn có thể xuất hiện ở nhiều dạng địa hình khác nhau trên trái đất.
b) Ở sườn đón gió nhiệt độ thấp hơn sườn khuất gió (cùng độ cao).
c) Ở sườn khuất gió thường không có mưa trong thời kì gió hoạt động.
d) Dãy núi càng cao, thì khi xuống núi mức gia tăng nhiệt độ càng lớn và càng khô
a- Sai b,c,d- Đúng

Câu 2: Trong các nhận định sau, nhận định nào Đúng, nhận định nào Sai về đặc điểm của nước ngầm?

- a) Nước ngầm do nước mặt thấm xuống.
b) Mức nước ngầm phụ thuộc vào nguồn cung cấp nước, đặc điểm địa hình, khả năng thấm của đất đá,...
c) Nước ngầm nằm khá nông ở vùng ẩm ướt, đất đá dễ thấm hút và nằm sâu vùng khô hạn.
d) Nước ngầm có thành phần và hàm lượng các chất khoáng hầu như không thay đổi.

b- a,b,c- Đúng d- Sai

Câu 3: Cho đoạn thông tin: " Nước biển có nhiều chất hoà tan, nhiều nhất là các muối khoáng. Độ muối trung bình của nước biển là 35‰. Độ muối tăng hay giảm phụ thuộc vào lượng bốc hơi, lượng mưa và lượng nước sông đổ vào. Độ muối còn thay đổi theo vĩ độ: vùng Xích đạo độ muối là 34,5‰, vùng chí tuyến độ muối là 36,8‰, vùng ôn đới độ muối giảm xuống 35‰, vùng gần cực độ muối chỉ còn 34‰"

- a) Lượng nước sông đổ vào ảnh hưởng đến độ muối của nước biển.
b) Biển Đỏ có độ muối thấp hơn nhiều Biển Ban-tích.
c) Vùng chí tuyến có độ muối thấp nhất trong các vùng vĩ độ.
d) Vùng ôn đới có độ muối cao hơn vùng gần cực.

Câu 4: Cho đoạn thông tin sau: Nhiệt và ẩm ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất. Tác động của nhiệt và ẩm làm cho đá bị phá huỷ thành những sản phẩm phong hoá. Những sản phẩm này sẽ tiếp tục bị phong hoá thành đất.

- a) Khí hậu có vai trò rất quan trọng trong quá trình hình thành đất.
b) Khí hậu tác động đến sự hình thành đất qua yếu tố nhiệt, ẩm.

- c) Khí hậu được coi là nhân tố khởi đầu cho sự hình thành đất.
 d) Trên Trái đất có nhiều loại đất do khí hậu phân hoá đa dạng.
 a,b,d- Đúng c- Sai

III. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội và Vũng Tàu, năm 2022

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	18,6	15,3	23,4	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8
Vũng Tàu	26,5	27,4	28,1	28,8	29,0	29,3	28,0	27,8	27,8	27,4	27,4	26,6

- a. Tính nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội và Vũng Tàu (làm tròn đến phần thập phân thứ nhất)
 b. Tính biên độ nhiệt năm của Hà Nội và Vũng Tàu (làm tròn đến phần thập phân thứ nhất)
 c. Tính tổng nhiệt độ trong năm của Hà Nội và Vũng Tàu (làm tròn đến kết quả hàng đơn vị)

Câu 2. Cho bảng số liệu: **Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng tại Hà Nội** (Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1040	885	765	889	480	3510	5590	6660	4990	3100	2199	1370

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình của Sông Hồng tại Hà Nội (làm tròn đến kết quả hàng đơn vị)

Câu 3. Cho bảng số liệu: **Lượng mưa trung bình năm các tháng trong tại Cà Mau, năm 2022**

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	0,1	0,9	105,2	327,0	319,5	225,4	565,0	228,3	409,2	352,7	313,3	71,9

Tính tổng lượng mưa trong năm tại Cà Mau. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)

Đáp án: 2919

Câu 4: Tại độ cao 1000m trên dãy núi Hoàng Liên Sơn nhiệt độ là 15°C , hỏi nhiệt độ tại chân núi (0m) nhiệt độ cùng thời điểm là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$?

21

Câu 5. Tại độ cao 1000m trên dãy núi Cap-ca có nhiệt độ là 34°C , cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 2500m là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của $^{\circ}\text{C}$).

25

Câu 6. Nhiệt độ tại chân núi của sườn đón gió là 25°C , biết ngọn núi cao 2800m. Tính nhiệt độ tại đỉnh núi và nhiệt độ tại chân núi bên sườn khuất gió (làm tròn kết quả đến phần thập phân thứ nhất của $^{\circ}\text{C}$)

IV. TỰ LUẬN (3đ)

- Giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt
- Vai trò của biển và đại dương đối với sự phát triển kinh tế - xã hội
- Giải thích sự phân bố mưa theo vĩ độ.
- Dựa vào kiến thức đã học, giải thích các hiện tượng khí hậu thời tiết ở Việt Nam liên quan đến các loại gió.